

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2020/DS-PT
Ngày: 28-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 416/2020/TLPT- DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2020/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Hình Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú T, xã An L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. ***Bị đơn:*** Bà Lâm Thị Mỹ A, sinh năm: 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An P, xã An L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*** cho bà Lâm Thị Mỹ A là Luật sư Lê Phi T, văn phòng Luật sư C thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. ***Người kháng cáo:*** Bà Lâm Thị Mỹ A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hình Thị Ngọc Đ trình bày:

Ngày 03/10/2019 bà A có nhờ bà mượn dùm số tiền 50.000.000đ (không có làm biên nhận), thời gian mượn 04 ngày để bà A đáo nợ Ngân hàng. Trường hợp bà A đáo nợ Ngân hàng xong thì bà A vay Ngân hàng số tiền cao hơn trả cho bà Đ 50.000.000đ và cho bà mượn thêm số tiền 50.000.000đ làm vốn.

Số tiền 50.000.000đ bà A mượn vay là bà mượn của bà Bé H cho bà A mượn lại. Việc giao tiền cho bà A có sự chứng kiến của bà Bé H, bà S. Sau 04 ngày bà A không trả lại, bà đã nhiều lần gặp bà A đòi số tiền trên nhưng bà A không đồng ý trả nợ và cho rằng do con rể của bà có nợ bà A số tiền 65.000.000đ nên số tiền bà A mượn của bà sẽ được cân trừ vào việc con rể bà Đ nợ bà A, bà không đồng ý việc cân trừ của bà A. Nay bà yêu cầu bà A có trách nhiệm trả lại số tiền vay còn nợ 50.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bà không đồng ý lời trình bày của bà A cho rằng số tiền 50.000.000đ bà A nhận của bà là tiền bà trả nợ bà A, bà không có thiếu nợ bà A khoản tiền nào cả.

- Bị đơn bà Lâm Thị Mỹ A trình bày:

Bà không thống nhất ý kiến của bà Đ, trước đây bà có cho bà Đ mượn số tiền 50.000.000đ (số tiền này bà mượn của bà H cho bà Đ mượn lại) việc cho mượn không có lãi, không làm biên nhận, không nhớ rõ thời gian, cũng không có ai biết. Sau đó, bà có nhận số tiền 50.000.000đ từ bà Đ trả nợ cho bà (việc nhận tiền từ bà Đ không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến). Như vậy, số tiền này là tiền bà Đ nợ bà nay trả lại cho bà.

Sau khi nhận tiền từ bà Đ thì bà trả nợ cho bà H. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hình Thị Ngọc Đ với bà Lâm Thị Mỹ A.

2. Buộc bà Lâm Thị Mỹ A có trách nhiệm trả cho bà Hình Thị Ngọc Đ số tiền vay còn nợ là 50.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Lâm Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000đ.

- Bà Hình Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00002731 ngày 29/04/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 24/9/2020, bà A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà A vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử bà A có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 03/10/2019 bà Đ có cho bà A mượn số tiền 50.000.000đ, tuy bà Đ giao tiền cho bà A không có làm biên nhận nhưng bà A thừa nhận có nhận số tiền 50.000.000đ từ bà Đ đưa cho bà A. Lời trình bày của bà Đ phù hợp với lời khai của những người làm chứng như bà Bé H, bà S trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa bà A thừa nhận số tiền 50.000.000đ bà nhận từ bà Đ là tiền bà Đ nợ bà trước đây và nay trả lại cho bà. Số tiền này bà cho bà Đ mượn không có lãi, không có làm giấy tờ, cũng không ai biết, chỉ cho bà Đ mượn đỡ vài tháng trả lại.

Tại phiên tòa, bà A cung cấp cho Tòa án cuốn sổ nợ do bà giữ chỉ có ghi hai trang, ngoài ra bà A không có ghi thêm gì hết. Nhưng trong nội dung bà cung cấp cho Tòa không đề cập nội dung gì mà bà Đ vay mượn tiền của bà, cũng như trong nội dung ghi nợ giữa chủ nợ và người mượn nợ cũng không thể hiện chữ ký của hai bên. Qua đối chiếu sổ nợ chính do bà A cung cấp tại Tòa và bản photo mà

bà A gửi kèm theo đơn kháng cáo nộp cho Tòa án không giống nhau. Do đó, việc bà A nại ra là không có căn cứ. Bởi vì, tại bản khai ngày 29/7/2020 bà thừa nhận bà Đ có mượn tiền bà Bé H đưa cho bà số tiền 50.000.000đ và bà cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh số tiền 50.000.000đ mà bà nhận từ bà Đ là tiền bà Đ nợ của bà và tại Tòa án cấp sơ thẩm bà A cũng không có đơn khởi kiện phản tố bà Đ cũng như cuốn sổ bà cho rằng bà Đ vay mượn tiền của bà để Tòa án tiến hành làm thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố của bà theo quy định của pháp luật để cân trừ nợ cho nhau. Vì vậy, cho nên án sơ thẩm cũng nhận định nếu sau này bà A có chứng cứ gì để chứng minh bà Đ còn nợ bà số tiền 50.000.000đ thì bà có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ kiện khác.

[2] Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử buộc bà A có trách nhiệm trả lại cho bà Đ số tiền nợ 50.000.000đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà A phải chịu án phí phúc theo quy định của pháp luật.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Mỹ A.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 42/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hình Thị Ngọc Đ với bà Lâm Thị Mỹ A.

Buộc bà Lâm Thị Mỹ A có trách nhiệm trả cho bà Hình Thị Ngọc Đ số tiền vay còn nợ là 50.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Lâm Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000đ.

- Bà Hình Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002731 ngày 29/04/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Án phí phúc thẩm:

Bà Lâm Thị Mỹ A phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0010452 ngày 24/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (bà A đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Trần Phước Hội